

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DS- ST  
Ngày 14/7/2020  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Huy Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST-DS ngày 23/9/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*(Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019 của ông H cho ông Th. Đến ngày 15/6/2020 ông H hủy bỏ việc ủy quyền cho ông Th)*

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị M: Ông Lê Chí D, sinh năm 1975 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị M: Chị Trần Thị M, sinh năm 1972 (có mặt).

*(Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2020 của bà M cho chị Mai)*

2.2. Ông Trần Xuân X, sinh năm 1942; nơi đăng ký HKTT: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện nay: Thôn Khuốc B, xã Phong Ch, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Xuân X: Ông Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân X:

+ Ông Trần Văn X, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (có mặt).

*(Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020 của ông X cho ông XI)*

+ Ông Bùi Ngọc Nh, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 288, đường Bùi Sỹ T, thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (có mặt).

*(Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020 của ông X cho ông Nh)*

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của ông Hà trình bày:**

Thấy hoàn cảnh của gia đình bà Đặng Thị M, ông Trần Xuân X khó khăn, nên ngày 07/8/2016 ông Nguyễn Mạnh H cho bà Đặng Thị M vay số tiền 21.000.000 đồng để bà M tu sửa mái tôn, cánh cửa hỏng sau bão; thời hạn vay 5 năm; vay không có lãi. Hai bên viết giấy biên nhận vay tiền ngày 07/8/2016 trước sự chứng kiến của ông Vũ Đức Th. Mặc dù chưa đến hạn phải trả nhưng ông X, bà M đã ly hôn và chia tài sản chung; năm 2018 ông đã đòi số tiền trên bà M đồng ý trả nhưng chưa có để trả. Nay ông H yêu cầu ông X và bà M cùng phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 21.000.000 đồng mà bà M đã vay; ông không yêu cầu trả lãi.

**\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là bà Đặng Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày:**

Bà Đặng Thị M thừa nhận, bà có vay tiền của ông Nguyễn Mạnh H và hai bên có viết giấy biên nhận như ông Hà khai. Bà vay tiền của ông H để trả cho ông Vũ Đức Thọ tiền công và tiền vật liệu làm lại mái tôn (chống nóng, chống dột) nhà, cánh cửa nhà hỏng sau bão. Khi làm mái tôn, làm cánh cửa nhà và vay tiền của ông H thì ông X đều biết và không có ý kiến gì. Bà yêu cầu ông X phải cùng bà thanh toán số nợ trên cho ông H.

**\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là ông Trần Xuân X, người đại diện theo ủy quyền của ông X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X trình bày:**

Ông X không chấp nhận khoản nợ ông H đòi. Ông cho rằng, ông không còn liên quan gì tới bà M vì ông không sống cùng bà M từ năm 1997, không có việc bà M vay tiền ông H để sửa nhà. Mái tôn vẫn là mái tôn cũ, mái tôn này được làm sau khi ông X và bà M làm nhà (nhà làm hoàn thiện năm 1982) khoảng 2 đến 3 năm. Tại sao khoản nợ trên không được kê khai trong thời điểm ông và bà M giải quyết ly hôn, mà khi giải quyết ly hôn chỉ nêu khoản tiền 70.500.000 đồng bà M sửa nhà năm 2017 (đã được thể hiện trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng giải quyết ly hôn cho ông và bà M).

**\* Biên bản ghi lời khai ông Vũ Đức Thọ ngày 16/6/2020 có nội dung:**

Con bão năm 2016 mái tôn nhà ông X, bà M bị hỏng toàn bộ, ông có đứng ra làm cho bà M khoảng 42m<sup>2</sup> mái tôn, làm 01 cánh cửa nhôm kính, mua 02 bộ cửa gỗ cũ; còn ông Nguyễn Xuân V ở cùng thôn có tham gia dỡ bỏ phần còn sót lại của mái tôn cũ. Khi làm mái tôn và mua cánh cửa cho bà M thì ông X có biết và ông X không có ý kiến gì. Tổng cộng chi phí làm cho bà M hết 19.300.000 đồng. Sau khi làm thời gian ngắn thì bà M trả cho ông số tiền trên, sau đó ông thanh toán cho ông Vui tiền công dỡ bỏ phần sót lại của mái tôn cũ. Khoản tiền bà M trả ông do bà M vay của ông Nguyễn Mạnh H. Khi ông Hà cho bà M vay tiền thì ông là người làm chứng ký vào giấy biên nhận vay tiền giữa bà M và ông H. Ông xác định, ông và ông Nguyễn Xuân V đã ký xác nhận vào đơn xin xác nhận chi phí làm mái tôn và cánh cửa nhà của bà Đặng Thị M đề ngày 02/3/2020.

**\* Biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Xuân V ngày 16/6/2020 có nội dung:**

Khoảng năm 2016 sau cơn bão thì mái tôn nhà ông X và bà M bị hỏng toàn bộ, ông Vũ Đức Thọ đứng ra làm lại mái tôn và cánh cửa cho gia đình bà Đặng Thị M; ông cũng tham gia dỡ bỏ phần còn sót lại của mái tôn cũ và xây chèn một số phần đầu hồi nhà. Sau một thời gian ngắn thì bà M thanh toán tiền cho ông và ông Th. Ông X có biết việc bà M làm mái tôn và cánh cửa. Ông xác định, ông và ông Th đã ký xác nhận vào đơn xin xác nhận chi phí làm mái tôn và cánh cửa nhà của bà Đặng Thị M đề ngày 02/3/2020.

**\* Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với công trình xây dựng của bà M, ông X và xác minh tại UBND xã Đông H có nội dung:**

Con bão năm 2016 đã làm cho một số hộ gia đình tại xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình thiệt hại về tài sản. Thống kê sau bão thì gia đình bà Đặng

Thị M, ông Trần Xuân X đã bị thiệt hại cây cối, hoa màu và bay phần mái tôn chống nóng nhà nên phải làm lại toàn bộ phần mái tôn chống nóng nhà. Mái tôn được lợp là loại tôn thường lợp chống nóng nhà mái bằng.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

**Về tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Các đương sự cung cấp đầy đủ các chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**Về nội dung:** Căn cứ Khoản 3 Điều 465, khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H.

Buộc bà Đặng Thị M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 11.350.000 đồng, ông Trần Xuân X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 9.650.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện đòi nợ bị đơn bà Đặng Thị M và ông Trần Xuân X đều có nơi cư trú tại, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Mạnh H ủy quyền cho ông Phạm Hồng Th tham gia tố tụng, nhưng đến ngày 15/6/2020 ông H có đơn hủy bỏ việc ủy quyền cho ông Th và ông H trực tiếp tham gia tố tụng. Như vậy, từ ngày 15/6/2020, ông Th không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H. Ngày 10/7/2020, ông H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hà.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Xuân X có đơn phản tố cho rằng: ông không hề vay tiền của ông Nguyễn Mạnh H. Đây là vụ kiện vô căn cứ, có mưu đồ cấu kết tạo dựng, vu không để chiếm đoạt tài sản của ông, gây hoang mang, lo lắng, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và tổn hại đến danh dự của ông. Ông yêu cầu ông H phải bồi thường cho ông tổn hại về tinh thần, sức khỏe, danh dự và thời gian ông phải đi lại để hầu Tòa.

Xét thấy: Yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân X là một việc hoàn toàn không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H. Mặt khác, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Trần Xuân X rút yêu cầu phản tố của ông X đối với ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu trên của ông X trong vụ án.

**[2] Về nội dung:**

Nguyên đơn ông H, bị đơn bà M và người làm chứng là ông Th đều khai vào ngày 07/8/2016, ông Hà có cho bà M vay số tiền 21.000.000 đồng để bà M tu sửa mái tôn và cánh cửa nhà bị hỏng sau bão, thời hạn vay 5 năm, vay không tính lãi. Khi ông H cho bà M vay tiền, bà M có ký tên vào giấy biên nhận vay tiền do ông H viết và ông Vũ Đức Th làm chứng cùng ký tên vào giấy biên nhận. Giấy biên nhận bà M vay tiền của ông H đã được ông H cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định có việc bà M vay nợ ông Hà 21.000.000 đồng. Năm 2018, ông H có đòi số nợ trên trước hạn, bà M đồng ý trả nhưng sau đó bà không trả được, do vậy năm 2018 ông H biết được quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Năm 2019 ông H khởi kiện ông X, bà M thì hợp đồng vay tài sản đảm bảo về thời hiệu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được; xác định, năm 2016 bà M có tu sửa nhà ở. Khoản tiền 21.000.000 đồng bà M vay của ông H vào ngày 07/8/2016 thì bà M sử dụng vào việc tu sửa nhà ở là 19.300.000 đồng.

Thời điểm năm 2016, ông X và bà M đã ly thân nhưng vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Ông V và ông Th đều xác định, năm 2016 khi bà M tu sửa nhà thì ông X có biết và không ý kiến gì. Mặt khác, theo ông X trình bày, hàng năm vào các dịp lễ, tết, giỗ chạp ông vẫn thường xuyên về nhà; như vậy, ông X phải biết việc bà M tu sửa nhà vào năm 2016. Ngôi nhà bà M tu sửa là tài sản chung của ông X và bà M trong thời kỳ hôn nhân. Ông X không đưa ra được tài liệu thể hiện ông có đóng góp nguồn tiền để sử dụng vào việc tu sửa nhà ở. Bà M chứng minh được việc bà vay tiền của ông H để tu sửa nhà ở và nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, xác định khoản tiền 19.300.000 đồng bà M tu sửa nhà là nợ chung của ông X và bà M trong thời kỳ hôn nhân, ông X và bà M mỗi người phải chịu trách nhiệm  $\frac{1}{2}$  số tiền tu sửa nhà trên. Số tiền còn lại bà M không chứng minh được dùng vào việc tu sửa nhà cần xác định là nợ riêng của bà M đối với ông H.

**Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng**

*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;*

*2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;*

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;
4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;
5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;
6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

Bản án số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa ông X và bà M đã có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông X và bà M đã chia tài sản chung nhưng ông X và bà M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên của ông X và bà M đối với anh H. Nay anh H khởi kiện đòi nợ thì cần buộc ông X, bà M cùng phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ bà M vay của anh H. Cụ thể: khoản nợ chung dùng vào việc tu sửa nhà của ông X và bà M đối với anh H là 19.300.000 đồng, ông X và bà M mỗi người phải trả nợ ông H 9.650.000 đồng; khoản nợ riêng của bà M đối với ông H là 1.700.000 đồng, bà M phải có trách nhiệm trả cho ông H. Tổng số tiền phải trả cho anh H là 21.000.000 đồng.

Do không có thỏa thuận về lãi, bản thân ông H cũng không yêu cầu trả tiền lãi, vì vậy ông X, bà M không phải thanh toán lãi trên số tiền đã vay của ông H.

**[3] Về án phí:** Yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông X và bà M là người cao tuổi nên thuộc diện được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

**[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Bà Đặng Thị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 27, khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 465, khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 236/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H kiện đòi nợ ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M

2. Buộc ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả nợ ông Nguyễn Mạnh H số tiền 21.000.000 đồng; trong đó chia phần: ông Trần Xuân X phải trả nợ cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 9.650.000 (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Đặng Thị M phải trả nợ cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 11.350.000 (Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông Nguyễn Mạnh H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Hà nộp tại biên lai thu số 0008191 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Miễn án phí dân sự cho ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị M chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- Chi cục THA DS huyện Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Kiên Trung**